

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03/11/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Huy Phương và ông Dương Đình Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST- HNGĐ, ngày 14/9/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST, ngày 18/10/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn Gi, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn Gi, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Đ chung sống với nhau từ tháng 9 năm 1994. Do không hiểu biết về pháp luật nên không đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức đám cưới vì gia đình chị hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chị mồ côi cha mẹ sống cùng gia đình bác. Sau khi chung sống với nhau có lần chị bảo anh Đ đi đăng ký kết hôn nhưng anh Đ không đi. Về sau này sống cùng anh Đ thấy cuộc sống không hạnh phúc nên chị cũng không nói anh Đ đi đăng ký nữa. Trong thời gian chung sống từ năm 1994 đến nay vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn vì anh Đ là người gia trưởng, hay chửi bới đánh đập chị. Nên chị thường xuyên đi làm ăn xa. Đã có lần chị đã phải uống thuốc tự tử, sau đó chị đi làm ăn ở nước ngoài 4 năm. Vợ chồng mâu thuẫn nặng nề, anh Đ chửi bới đe dọa nên khi đi nước ngoài về chị không về nhà mà đi làm ăn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh Đ.

Bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H như chị đã trình bày là đúng thực tế. Về mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, từ cuối năm 2018 chị H đi nước ngoài đến khi hết hạn về nước ngày 25/4/2022, chị H không về nhà mà bỏ đi theo người khác. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, bản thân anh không muốn vì ảnh hưởng đến con. Nhưng do chị H cương quyết xin ly hôn thì anh hoàn toàn Đ ý.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Bùi Thị Kh – Sinh ngày 27/7/1995 (đã có gia đình riêng) và Bùi Văn Kh – Sinh ngày 28/9/2001. Nay các con đã thành niên muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con. Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H và anh Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội Đ xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 điều 9 và khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Bùi Thị Kh – Sinh ngày 27/7/1995 (đã có gia đình riêng) và Bùi Văn Kh – Sinh ngày 28/9/2001. Các con của anh và chị đã thành niên muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con. Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Văn Đ trú tại: Thôn Gi, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị H khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Giữa chị H và anh Đ là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh chung sống với nhau năm 1994. Trong thời gian chung sống anh chị đã ra mâu thuẫn vì anh Đ là người gia trưởng, hay chửi bới đánh đập chị. Chị và anh

sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị H là chính đáng. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử, không công nhận chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Bùi Thị Kh – Sinh ngày 27/7/1995 (đã có gia đình riêng) và Bùi Văn Kh – Sinh ngày 28/9/2001. Các con của anh và chị đã thành niên muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con. Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị H và anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Bùi Thị Kh – Sinh ngày 27/7/1995 và Bùi Văn Kh – Sinh ngày 28/9/2001. Các con của anh và chị đã thành niên muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con. Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010371, ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS C;
- UBND xã C, H. C;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân

HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

